

TT Mỹ Lộc, ngày 17 tháng 9 năm 2022

DỰ TOÁN THU CHI
CÁC KHOẢN DỊCH VỤ PHỤC VỤ, HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2022- 2023

Căn cứ Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định Quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục trong các cơ sở giáo dục công lập do tỉnh Nam Định quản lý;

Căn cứ Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 03/01/2017 của UBND tỉnh Nam Định về việc quy định mức giá dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Căn cứ Công văn số 494/UBND-VP7 ngày 06/09/2022 của UBND tỉnh Nam Định về việc chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý thu, chi tài chính tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Công văn số 1396/SGDDĐT-KHTC ngày 5/9/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Nam Định về việc thực hiện quản lý thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập do tỉnh quản lý năm học 2022-2023;

Căn cứ công văn số 352/PGDDĐT-TV ngày 8/9/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Mỹ Lộc về việc tăng cường công tác quản lý thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục năm học 2022-2023,

Trường Tiểu học Trần Quang Khải xây dựng dự toán thu chi các khoản đóng góp ngoài học phí năm học 2022 - 2023 như sau:

A. Các khoản thu theo quy định: Không có

B. Các khoản dịch vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục

1. Trông coi xe đạp học sinh(đối với học sinh đi xe đạp):

a. Dự kiến thu: Mức thu : 10.000 đồng/hs/tháng(đối với học sinh đi xe đạp)

Khối	Mức thu	Tổng số HS	Số HS Dự kiến đi xe
3	10.000đ/HS/tháng	83	10
4	10.000đ/HS/tháng	117	20

5	10.000đ/HS/tháng	89	30
Tổng		383	60
Tổng dự kiến số tiền thu là		5.400.000 đồng (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng)	

b. Phần dự kiến chi:

Tổng số tiền là **5.400.000 đồng**(Tám triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn.)

TT	Các mục cần chi phí	Tổng số tiền (theo VNĐ)
1	Chi tiền trông coi xe đạp	2.700.000
2	Chi sửa chữa nhỏ lán xe, mua sơn kẻ vạch	2.160.000
3	Chi 10% thuế GTGT, TNDN nộp về nhà nước	540.000
	Tổng số tiền dự kiến chi là	5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng.)

2. Tiền nước uống cho học sinh :

a. Cơ sở mức thu :

- Bình quân 1 học sinh uống là 0.35 lít nước/ngày.
- 1 bình nước tinh khiết dung tích là 20 lít có giá là 26.000 (đã bao gồm 10% thuế GTGT). Vậy giá 1 lít là 1.300 đồng.
- 1 em học sinh 1 tháng uống hết số lít nước là $0.35 \times 22 \times 1.300 = 10.010$ đồng.

Căn cứ vào dự toán trên nhà trường dự kiến mức thu tiền nước uống cho 1 học sinh trong năm học 2022 -2023 là 10.000 đồng/tháng/hs.

b. Dự kiến thu được:

Tổng số : 413 học sinh x 10.000 đồng/hs/tháng x 9 tháng = 37.170.000 đồng

Khối	Mức thu	Tổng số HS	Số HS Dự thu
1	10.000đ/HS/tháng x 9 tháng	61	60
2	10.000đ/HS/tháng x 9 tháng	85	83

3	10.000đ/HS/tháng x 9 tháng	82	80
4	10.000đ/HS/tháng x 9 tháng	80	80
5	10.000đ/HS/tháng x 9 tháng	117	110
Tổng		425	413
Tổng dự kiến số tiền thu là		37.170.000đ (Ba mươi bảy triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng.)	

c. Dự kiến chi:

- Mua nước uống cho học sinh: 425 hs x 9.600đ/th x 9 tháng = 36.720.000 đồng.
 - Mua bổ sung cốc uống cho học sinh: 90 chiếc x 5.000 đồng = 450.000 đồng
- Tổng dự kiến chi là 37.170.000 đồng

3. Tiền rèn luyện kỹ năng sống năm học 2022 - 2023

a. Dự kiến thu được:

Mức thu: 4.000 đồng/hs/tiết x 35 tiết/tháng = 140.000 đồng/hs/tháng

Khối	Mức thu	Tổng số HS	Số HS Dự thu
1	140.000đ/HS/tháng	61	60
2	140.000đ/HS/tháng	85	83
3	140.000đ/HS/tháng	82	80
4	140.000đ/HS/tháng	80	80
5	140.000đ/HS/tháng	117	110
Tổng		425	413
Tổng dự kiến số tiền thu 1 tháng là		57.820.000đ (Năm mươi bảy triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng.)	

b. Phần dự kiến chi: căn cứ theo hợp đồng số 18BP11MLO04A ngày 25 tháng 08 năm 2022 ký kết với liên danh giữa Công ty Cổ phần kết nối trường học Việt Nam và Công ty Cổ phần Giáo dục và Đào tạo ATB, dự kiến chi cụ thể như sau:

* Nộp về cho nhà cung cấp phần mềm KNS Poki: 20.000đ/hs x 413 hs = 8.260.000đ

* Số còn lại: 57.820.000- 8.260.000= 49.560.000đ

- Chi cho giáo viên dạy trực tiếp 70%: 34.692.000đ
- Chi cho công tác quản lý, hành chính 15%: 7.434.000đ
 - + Hiệu trưởng 6.5% : 3.221.400đ
 - + Phó hiệu trưởng 5.7% : 2.824.920đ
 - + Kế toán 2.1% : 1.040.760đ
 - + Văn phòng 0,35% : 173.460đ
 - + Y tế 0.35% : 173.460đ
- Chi điện, nước, mua sắm, sửa chữa CSVC....là 15%: 7.434.000đ

4. Vệ sinh học sinh năm học 2022 – 2023 :

a. Cơ sở mức thu:

STT	Nội dung	ĐVT	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	Tiền công quét dọn vệ sinh lớp	Tháng	2.500.000	1	2.500.000
2	Tiền công quét dọn nhà VS HS	Tháng	2.500.000	1	2.500.000
3	Chổi quét nhà	Chiếc	40.000	6	240.000
4	Chổi quét màng nhện	Chiếc	70.000	2	140.000
5	Cây lau nhà	Bộ	350.000	1	350.000
6	Chổi quét nhà vệ sinh	Chiếc	35.000	6	210.000
7	Nước tẩy nhà vệ sinh	Chai	60.000	5	300.000
8	Găng tay	Đôi	55.000	2	110.000
9	Ung cao su	Đôi	68.000	1	68.000
10	Phí xử lý rác thải	Tháng	100.000	1	100.000
11	Hót rác	Cái	16.000	2	32.000
12	Bơm tặc công bồn vệ sinh	Cái	92.000	2	184.000
13	Giấy vệ sinh	Bịch	55.000	10	550.000
14	Chổi cọ bồn cầu	Chiếc	25.000	6	150.000
Tổng cộng					7.434.000

Căn cứ vào dự toán trên nhà trường dự kiến mức thu tiền vệ sinh cho 1 học sinh trong năm học 2022 -2023 là (7.434.000đồng: 413 học sinh) =18.000 đồng/tháng/hs.

b. Phần dự kiến thu:

Tổng số : 413 học sinh x 18.000 đồng/hs/tháng x 9 tháng = 66.906.000 đồng

Khối	Mức thu	Tổng số HS	Số HS Dự thu
1	18.000đ/HS/tháng	61	60
2	18.000đ/HS/tháng	85	83
3	18.000đ/HS/tháng	82	80
4	18.000đ/HS/tháng	80	80
5	18.000đ/HS/tháng	117	110
Tổng		425	413
Tổng dự kiến số tiền thu là		66.906.000đ (Sáu mươi sáu triệu sáu trăm linh chín nghìn đồng.)	

b. Dự kiến chi:

ĐVT: Đồng

STT	Nội dung	Số tiền 1 tháng	Số tháng	Thành tiền
1	Tiền công quét dọn vệ sinh lớp	2.500.000	9	22.500.000
2	Tiền công quét dọn nhà VSHS	2.500.000	9	22.500.000
3	Chôi quét nhà	240.000	9	2.160.000
4	Chôi quét màng nhện	140.000	9	1.260.000
5	Cây lau nhà	350.000	9	3.150.000
6	Chôi quét nhà vệ sinh	210.000	9	1.890.000
7	Nước tẩy nhà vệ sinh	300.000	9	2.700.000
8	Găng tay	110.000	9	990.000
9	Ủng cao su	68.000	9	612.000
10	Phí xử lý rác thải	100.000	9	900.000
11	Hốt rác	32.000	9	288.000
12	Bơm tắc cống bồn VS	184.000	9	1.656.000
13	Giây vệ sinh	550.000	9	4.950.000
14	Chôi cọ bồn cầu	150.000	9	1.350.000
Tổng cộng				66.906.000

(Sáu mươi sáu triệu chín trăm linh sáu nghìn đồng.)

5. Tiền quản lý, chăm sóc học sinh buổi trưa ăn bán trú và ngoài giờ hành chính(đối với học sinh đăng ký ăn bán trú):

a. Phần dự kiến thu:

Mức thu: 6.000 đồng/ngày/hs.

b. Phần dự kiến chi:

* Chi cho giáo viên trực tiếp trông coi: 62%

* Chi công tác quản lý, hành chính: 38%

+ Hiệu trưởng: 17%

+ Hiệu phó: 15%

+ Kế toán: 5%

+ Văn phòng phục vụ: 1%

6. Tiền suất ăn bán trú (đối với học sinh tham gia ăn bán trú): nhà trường ký hợp đồng cung cấp suất ăn với công ty TNHH Một thành viên chế biến và cung cấp thực phẩm sạch Năm Sao theo hợp đồng số 20/2022/FSF

a. Phần thu :

Mức thu: 20.000đ/suất/hs

b. Phần dự kiến chi: 1 học sinh/ngày

TT	Các mục cần chi phí	Tổng số tiền (theo VNĐ)
1	Suất ăn 1 ngày của 1 học sinh(hợp đồng công ty TNHH Một thành viên chế biến và cung cấp thực phẩm sạch Năm Sao)	20.000đ

7. Tiền đóng góp lần đầu tiên phục vụ nuôi ăn bán trú:

a. Căn cứ mức thu:

- Năm học 2022 – 2023 dự kiến số học sinh ăn bán trú lần đầu là 39 học sinh

- NH 2022-2023, nhà trường dự kiến sửa chữa một số bàn ghế bán trú bị hỏng do sử dụng nhiều năm, cụ thể như sau:

+ Thay mặt bàn bán trú vỡ: 5 chiếc x 1.000.000đ= 5.000.000đ

+ Mua đồ dùng, dụng cụ vệ sinh phòng ăn bán trú: 1.600.000đ

+ Giặt chăn, ga ăn bán trú: 12 chiếc x 50.000đ/lần x 2 lần/ năm= 1.200.000đ

Tổng dự kiến chi: 7.800.000đ chia cho 39 học sinh, mỗi em 200.000đồng

Căn cứ vào dự toán trên nhà trường dự kiến mức thu tiền đóng góp lần đầu tiên phục vụ nuôi ăn bán trú cho 1 học sinh trong năm học 2022-2023 là 200.000 đồng/ học sinh/ năm học.

b. Dự kiến thu:

Mức thu: 200.000đ/hs/năm học

Năm học 2022 – 2023 phát sinh số học sinh ăn bán trú lần đầu dự kiến so với năm học 2021 -2022 là 39 học sinh. Vậy $39 \text{ hs} \times 200.000\text{đ} = 7.800.000 \text{ đồng}$.

c. Dự kiến chi:

- + Thay mặt bàn bán trú võ: $5 \text{ chiếc} \times 1.000.000\text{đ} = 5.000.000\text{đ}$
- + Mua đồ dùng, dụng cụ vệ sinh phòng ăn bán trú: 1.600.000đ
- + Giặt chăn, ga ăn bán trú: $12 \text{ chiếc} \times 50.000\text{đ}/\text{lần} \times 2 \text{ lần/ năm} = 1.200.000\text{đ}$
- Tổng dự kiến chi: 7.800.000đ

8. Dạy tiếng Anh với giáo viên nước ngoài(tự nguyện):

Căn cứ vào Công văn số 1462/SGDĐT-GDTH ngày 16/9/2022 của Sở giáo dục và đào tạo Nam Định về việc triển khai Đề án tăng cường giảng dạy tiếng Anh với giáo viên nước ngoài năm học 2022-2023. Các bậc cha mẹ học sinh tự nguyện cho con em mình tham gia học tiếng Anh với giáo viên nước ngoài như sau:

a. Mức thu:

30.000đ/ tiết/hs

b. Dự kiến chi:

Căn cứ vào hợp đồng số 06/2022/HĐLKĐT/OT-TQK ngày 19/09/2022 ký kết với trung tâm ngoại ngữ Ortus, dự kiến chi như sau:

- 90% số tiền thu được chuyển về trung tâm Ortus
- 10% số tiền thu được giữ lại nhà trường, trong đó
 - + 2% chi khấu hao tài sản, chi phí điện, nước, vệ sinh lớp học
 - + 8% chi công tác quản lý, trong đó: Giáo viên phụ trách 2%, hiệu trưởng 2,5%, hiệu phó 2%, kế toán 1,5%.

II. Công tác xã hội hóa giáo dục :

Năm học 2022 – 2023 nhà trường có kế hoạch bảo dưỡng phòng tin, mua sắm bổ sung hệ thống máy tính bàn phục vụ cho việc học Tin học. Bên cạnh đó, do diện tích vườn trường lớn, nhiều cây cối nên cần thiết phải cắt tỉa cành, chăm sóc hệ thống cây xanh cũng như dọn cỏ vườn trường. Vì vậy nhà trường có kế hoạch huy động nguồn lực xã hội hóa.

Kế hoạch xã hội hóa này nhà trường sẽ làm hồ sơ trình phòng GD xét duyệt, khi được PGD đồng ý phê duyệt, nhà trường mới thực hiện vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản tài trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

III. Các khoản thu hộ, chi hộ:

1. Bảo hiểm y tế học sinh: căn cứ theo công văn số 2186/BHXH-QT ngày 16/8/2022 của Bảo hiểm xã hội tỉnh về việc hướng dẫn thực hiện Bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2022-2023; Công văn số 40/BHXH-HD ngày 14/07/2022 của Bảo hiểm xã hội huyện Mỹ Lộc về việc hướng dẫn thực hiện Bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2022-2023

a. Đối tượng thu: tất cả các học sinh nhà trường trừ học sinh thuộc đối tượng đã tham gia bảo hiểm chế độ, chính sách: Hộ nghèo, cận nghèo, con quân nhân, liệt sĩ....)

b. Mức thu = 1.490.000 đ x 4,5% x 70% x Số tháng đóng

- Đối với hs đóng 15 tháng: 704.025đ
- Đối với hs đóng 14 tháng: 657.090đ
- Đối với hs đóng 13 tháng: 610.155đ
- Đối với hs đóng 12 tháng: 563.220đ

c. Mức chi:

Toàn bộ số tiền thu BHYT của học sinh nộp vào tài khoản của BHXH huyện Mỹ Lộc mở tại ngân hàng NN&PTNT huyện Mỹ Lộc.

2. Bảo hiểm thân thể(tự nguyện):

Căn cứ theo thông báo số 113/BVND/BHCN/2022 ngày 22/06/2022 của Công ty Bảo Việt Nam Định. Các bậc cha mẹ học sinh tự nguyện cho con em mình lựa chọn mức bảo hiểm tham gia như sau:

a. Mức thu: 100.000 đồng/hs/năm học.

b. Dự kiến chi:

Toàn bộ số tiền thu được của học sinh nộp cho Công ty Bảo hiểm Bảo Việt Nam Định.

3. Quỹ Khuyến học(nếu có):

***) Dự kiến thu:**

Huy động và thu hút kinh phí từ các nguồn tự nguyện đóng góp, ủng hộ của các các thể hệ cán bộ, giáo viên, CMHS, học sinh nhà trường tập thể, cá nhân trong và ngoài nước.

***) Dự kiến chi:**

a) Động viên học sinh:

- Bồi dưỡng cho đội tuyển tham gia luyện tập trước khi dự thi.
- Thưởng cho học sinh dự thi cấp huyện trở lên đạt giải.

- Trao tặng quà cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong các dịp lễ tết, tổng kết năm học.
- Thưởng cho học sinh có hoàn cảnh xuất sắc trong mọi mặt từ 3 đến 5 học sinh.

b) Đối với giáo viên:

- Thưởng cho giáo viên khi đạt giải cấp huyện trở lên.
- Thưởng cho giáo viên khi phụ trách đội tuyển học sinh dự thi đạt giải cấp huyện trở lên(Học sinh có giấy chứng nhận).

Trên đây là dự toán thu - chi các khoản đóng góp theo quy định năm học 2022-2023 của trường tiểu học Trần Quang Khải.

NGƯỜI LẬP

(đã ký)

Trần Thị Mai Thanh

HIỆU TRƯỞNG

(đã ký, đóng dấu)

Trần Thị Thúy Hòa